

Một số tiếp cận lý thuyết về giá trị hiện nay

Trần Thị Minh Thi

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu các quan điểm và lý thuyết của một số học giả được đánh giá là có ảnh hưởng nhiều nhất đến các nghiên cứu về giá trị hiện nay trên thế giới, từ đó phân tích hướng áp dụng trong bối cảnh văn hóa, xã hội và lịch sử Việt Nam. Phân tích cho thấy những tiếp cận lý thuyết về hiện đại hóa và sự tồn tại của các giá trị văn hóa truyền thống là khá phù hợp với bối cảnh chuyển đổi hiện nay ở Việt Nam, khi có hệ giá trị mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế và đồng thời còn tồn tại một số giá trị truyền thống. Tuy nhiên, theo tác giả, việc áp dụng một thang đo giá trị sẵn có là một thách thức không nhỏ. Lí do là cùng một phạm trù giá trị dù là bao trùm hay đơn lẻ, nội hàm và cách hiểu là không hoàn toàn như nhau ở những nền văn hóa khác nhau. Do đó, việc xây dựng hệ thang đo giá trị cá nhân của Việt Nam theo hướng áp dụng những thang đo đã được áp dụng trên thế giới là cần thiết để có thể so sánh các phân tích về giá trị của Việt Nam với các quốc gia khác.

Từ khoá: Giá trị; Lý thuyết về giá trị; Thang đo giá trị.

Giới thiệu

Giá trị là chủ đề trung tâm trong nghiên cứu khoa học xã hội, trong đó có xã hội học. Giá trị được tiếp cận từ nhiều hướng nghiên cứu khác nhau, như triết học, xã hội học, tâm lý học, nhân học, v.v.: bao gồm nghiên cứu

lý thuyết, định nghĩa khái niệm, khảo sát đa quốc gia, phân tích so sánh, v.v. Nghiên cứu về giá trị có lịch sử khá lâu trong xã hội học, thu hút sự quan tâm của nhiều học giả lớn. Bài viết này tìm hiểu một số quan điểm và lý thuyết của một số học giả được đánh giá là có ảnh hưởng nhiều nhất đến các nghiên cứu về giá trị hiện nay trên thế giới, từ đó phân tích hướng áp dụng trong bối cảnh văn hóa, xã hội và lịch sử Việt Nam.

Khái niệm giá trị

Giá trị là một lĩnh vực nghiên cứu rộng, nên có rất nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm này. Giá trị đóng vai trò quan trọng không chỉ trong triết học, xã hội học, tâm lý học, nhân học mà trong nhiều lĩnh vực liên quan khác. Giá trị được sử dụng để mô tả đặc điểm xã hội và cá nhân, do lường sự biến đổi xã hội theo thời gian, không gian và giải thích những động lực của thái độ và hành vi cá nhân. Đồng thời, có một động lực khác cũng thu hút các nhà xã hội học nghiên cứu về giá trị, đó là xu hướng thiếu vắng lý trí trong lựa chọn mục tiêu của con người đang dần phổ biến, gây nên những hành vi lệch chuẩn và phản giá trị, đặc biệt ở những xã hội đang trong giai đoạn chuyển đổi (Hechter, 1993; Inglehart & Baker, 2000; Inglehart, 1997; Schwartz, 2005, 2006, 2012).

Các nhà xã hội học đặc biệt quan tâm làm thế nào các giá trị có thể định hướng hành động theo cách thúc đẩy các hành động tập thể và cá nhân, hoặc được các thành viên cộng đồng chấp nhận. Các nghiên cứu về giá trị thường không nhằm xác định giá trị nào là tốt nhất, mà cố gắng tìm hiểu con người tin vào những gì và niềm tin của họ định hướng hành động ra sao.

Với Durkheim (1893) và Weber (1905), giá trị rất quan trọng trong việc giải thích tổ chức và thay đổi xã hội. Parsons và Shils (1951) trong phân tích về lý thuyết hành động xã hội có nhắc đến nội hàm của khái niệm giá trị trong mối quan hệ chặt chẽ với văn hóa. Theo đó, văn hóa bao gồm một hệ giá trị, tập tục, biểu tượng hướng dẫn hành vi của cá nhân. Kluckhohn (1951) coi *giá trị là "quan niệm về điều mong muốn đặc trưng hiện hay ẩn cho một cá nhân hay một nhóm và ảnh hưởng tới việc chọn các phương thức, phương tiện hoặc mục tiêu của hành động"*. Đây được xem là khái niệm góp phần thống nhất cách hiểu về giá trị. Nói cách khác, giá trị mang đến những quy tắc cơ bản điều chỉnh tương tác con người, chúng chỉ ra điều gì tốt và xấu, điều gì đáng mong đợi và không đáng mong đợi.

Rokeach (1973), trong nghiên cứu hướng tới phát triển công cụ đo lường giá trị phổ biến và đa bối cảnh, cho rằng giá trị cá nhân *"là một niềm tin bền vững về một phương thức hành động hay thực tại được chấp nhận về mặt xã hội và cá nhân, có khả năng thống nhất những lợi ích đa dạng"*

khác nhau của các khoa học có liên quan đến hành vi con người". Như vậy, giá trị được cho là có thể giúp loại trừ những xung đột lợi ích cá nhân và tập thể vì nó đóng vai trò quan trọng cho phép cá nhân làm việc cùng nhau để nhận thức những mục tiêu chung. Ví dụ, trình độ học vấn cao được cho là nền tảng tốt cho trẻ em cũng như sự phát triển xã hội, vì thế, các cá nhân sẵn sàng đóng học phí, đóng thuế để nhà nước có ngân sách chi trả cho hệ thống giáo dục. Những định nghĩa trên cho thấy mối quan hệ giữa giá trị và mục tiêu mong muốn.

Rokeach (1979) nhấn mạnh giá trị di theo thứ bậc ưu tiên một cách giản đơn, mà mỗi giá trị có mối tương quan chặt chẽ với một hệ thống phức tạp các niềm tin và thái độ. Vì thế, hệ thống niềm tin có thể tương đối bền vững, nhưng sự biến đổi một giá trị có thể dẫn đến sự thay đổi của những giá trị khác trong cả xã hội nói chung. Cá nhân thường có xu hướng duy trì một quan điểm nhất quán, phản ánh chuẩn mực đạo đức và quyền hạn của họ. Khi hành động hay niềm tin của họ mâu thuẫn với nhận thức này, cá nhân cảm thấy thất vọng và có thể thay đổi nhằm điều chỉnh hành vi hay niềm tin theo đúng nhận thức đã có.

Nhìn chung, các định nghĩa đều chỉ rõ tầm quan trọng ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô của giá trị. Các xã hội và thiết chế cá nhân hình thành nên các giá trị, giúp xác định những cấp độ phát triển khác nhau của xã hội, dân tộc và cá nhân. Với một nhóm xã hội, điều quan trọng nhất có thể là gia đình, trong khi nhóm khác có thể là việc làm và nghề nghiệp. Một nhóm chính trị có thể hướng tới mục tiêu thúc đẩy công bằng xã hội, trong khi nhóm khác có thể theo đuổi tự do cá nhân (Kluckhohn, 1951; Inglehart, 1997, 2000, 2008; Inglehart & Baker, 2000; Rokeach, 1973; Schwartz, 1992, 2006, 2012). Giá trị về cơ bản tương tác với nhau và có đặc trưng phức tạp. Dựa trên sự tồn tại của những giá trị quan trọng và cấu trúc của trật tự giai đoạn phát triển xã hội, giá trị có thể xác định và so sánh với những giai đoạn trước (Tarkhnishvili & Tevzadze, 2013).

Lý thuyết hiện đại hóa, biến đổi văn hóa và sự bền vững của các giá trị truyền thống

Trong thập niên vừa qua, lý thuyết hiện đại hóa thu hút sự quan tâm của nhiều học giả. Trong đó, quan điểm của Inglehart coi hiện đại hóa là quá trình biến đổi xã hội gắn liền với công nghiệp hóa (Inglehart & Welzel, 2009) là có ảnh hưởng lớn nhất hiện nay. Quan điểm chính của lý thuyết này là việc phát triển kinh tế và công nghệ gắn liền với sự biến đổi từ những giá trị và phong tục cũ sang một xu hướng hợp lý, khoan dung, tin cậy và có sự tham gia hơn, tạo nên những thay đổi chính trị-xã hội (Inglehart & Baker, 2000). Thay đổi văn hóa là một con đường phụ thuộc. Những di sản văn hóa lớn của xã hội như Khổng giáo, Thiên chúa giáo,

v.v. để lại những dấu ấn giá trị khá vững bền ngay cả trong hiện đại hóa. Hơn nữa, những khác biệt về giá trị của các cá nhân thuộc các nhóm nhỏ trong xã hội thường nhỏ hơn các khác biệt giá trị liên quốc gia. Một khi đã được hình thành, những khác biệt liên văn hóa trở thành nền văn hóa của dân tộc được nền giáo dục và truyền thông truyền tải (Inglehart & Baker, 2000).

Trong công trình nghiên cứu của mình, Marx (1973) cho rằng kinh tế phát triển mang lại những thay đổi văn hóa quan trọng. Một khái niệm trung tâm và quan trọng của lý thuyết hiện đại hóa là công nghiệp hóa tạo ra những hệ quả xã hội và văn hóa, ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực xã hội. Ví dụ, công nghiệp hóa tạo ra những thành tựu văn hóa xã hội như tăng trình độ học vấn, thay đổi vai trò giới. Công nghiệp hóa được xem như một thành tố chính của quá trình hiện đại hóa, ảnh hưởng đến các thành tố của đời sống xã hội. Một cách ngắn gọn, các nhà nghiên cứu tin rằng phát triển kinh tế gắn liền sau nó những hệ quả văn hóa, chính trị được dự báo trước và mang tính hệ thống (Inglehart & Baker, 2000).

Có nhiều trường phái khác nhau trong giải thích mối quan hệ giữa hiện đại hóa và biến đổi văn hóa. Một trường phái nhấn mạnh sự hội tụ của các giá trị như là kết quả của hiện đại hóa, những nguồn lực kinh tế chính trị dẫn đến thay đổi văn hóa. Trường phái này dự báo việc suy giảm những giá trị truyền thống và sự thế chỗ của những giá trị hiện đại. Trường phái khác nhấn mạnh sự bền vững của các giá trị truyền thống dưới tác động của thay đổi kinh tế, chính trị. Trường phái này cho rằng các giá trị phụ thuộc một cách tương đối vào các điều kiện kinh tế (Inglehart, 1997; Haller, 2002; Tarkhishvili & Tevzadze, 2013). Theo đó, khó có thể có sự thống trị hoàn toàn của hệ giá trị hiện đại, mà các giá trị truyền thống sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến biến đổi văn hóa dưới tác động của phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế dường như đưa các xã hội vào một định hướng có thể thấy trước: công nghiệp hóa dẫn đến chuyên môn hóa nghề nghiệp, tăng trình độ học vấn, thu nhập và cuối cùng là mang lại những thay đổi không lường trước, chẳng hạn như những thay đổi về vai trò, thái độ về quyền lực và tình dục, giảm mức sinh, sự tham gia chính trị rộng rãi, v.v. (Inglehart, 1997; Inglehart & Baker, 2000).

Các nhà nghiên cứu nhấn mạnh sự thay đổi văn hóa không diễn ra theo đường thẳng. Theo Inglehart và Baker (2000), khi quá trình công nghiệp hóa được gắn liền với tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá, các xã hội sẽ dần quan tâm đến chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường và tự thể hiện bản thân. Nói cách khác, sẽ xuất hiện những hệ quả an sinh xã hội của phát triển kinh tế. Phần dưới đây tìm hiểu một số phân tích của các nhà nghiên cứu về giá trị, được áp dụng trong Khảo sát giá trị thế giới những năm gần đây. Sử dụng số liệu trong 3 đợt nghiên cứu Khảo sát giá trị thế giới, các

nhà nghiên cứu phân tích mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và những biến đổi mang tính hệ thống của các giá trị cơ bản. Cụ thể là so sánh việc thay đổi các giá trị truyền thống (niềm tin tôn giáo, việc làm, vai trò với con cái, ly dị, niềm tin chính trị, giới, vai trò quan trọng của gia đình, v.v.) và các giá trị sinh tồn giữa các xã hội đang phát triển và hậu công nghiệp để tìm ra những khác biệt về hệ giá trị. Theo đó, phát triển kinh tế dường như có một tác động mạnh mẽ đến các giá trị văn hóa.

Các giá trị truyền thống (Tradition values)

Những xã hội chịu ảnh hưởng mạnh của các giá trị truyền thống thường nghiêm khắc với một số hiện tượng như nạo hút thai, ly hôn và tình dục đồng giới. Kiểu xã hội này thường nhấn mạnh vào vai trò thống trị và quan trọng của nam giới trong đời sống xã hội và chính trị, coi trọng quyền cha mẹ và tầm quan trọng của đời sống gia đình. Nhìn chung, có thể nói rằng, xã hội này có xu hướng ưa chuộng các hình thức quản trị mang tính quyền lực, thứ bậc và rất chú trọng, quan tâm tới đời sống tâm linh, tôn giáo (Tarkhnishvili & Tevzadze, 2013). Mục tiêu chính của xã hội truyền thống là làm cha mẹ tự hào về bản thân: cá nhân phải luôn yêu thương, tôn trọng cha mẹ, bất kể họ cư xử như thế nào. Ngược lại, cha mẹ phải có trách nhiệm làm hết sức vì con cái dù có phải vất vả thế nào. Con người trong các xã hội truyền thống thích gia đình quy mô lớn. Các xã hội truyền thống có mức tự hào dân tộc cao, kính trọng những người có quyền lực, có thái độ dè chừng với thương mại quốc tế, nhưng lại chấp nhận quyền lực dân tộc một cách thụ động. Họ ít khi hoặc không bao giờ thảo luận về chính trị và có cách nhìn không thiện cảm với nạo hút thai hoặc tự tử. Xã hội này nhấn mạnh sự tuân thủ xã hội hơn là động lực cá nhân, tin vào những chuẩn mực tuyệt đối về tốt và xấu, thể hiện sự kính trọng với quyền lực và có mức độ tự hào dân tộc cao (Inglehart & Baker, 2000). Khi những giá trị thế tục (secular values) thống trị xã hội, vai trò của những giá trị truyền thống trên sẽ thay đổi mạnh mẽ và vai trò chính sẽ là những giá trị dựa trên và tập trung vào cá nhân.

Các giá trị sinh tồn (Survival values)

Ở những xã hội có mức an sinh và phúc lợi thấp, con người có xu hướng tập trung vào những an toàn về kinh tế và vật chất hơn là những giá trị khác. Họ cảm thấy e sợ người nước ngoài, sự thay đổi văn hóa và tính đa dạng của dân tộc. Điều này dẫn tới sự không khoan dung với những nhóm đồng tính hay nhóm bất thường khác, kiên quyết bảo vệ những vai trò giới truyền thống và một cái nhìn chính trị quyền uy. Những xã hội này cho thấy mức độ phúc lợi thấp, niềm tin vào con người thấp, ít khoan dung với người bên ngoài nhóm, có mức độ ủng hộ bình đẳng giới thấp và nhấn mạnh đến những giá trị vật chất, có mức độ tin tưởng cao vào khoa học và

công nghệ. Các xã hội này cũng có niềm tin thấp vào những hành động bảo vệ môi trường và có sự tin tưởng và ưa thích chính phủ quyền lực và phong tục tập quán của gia đình nhằm tối đa hóa cảm nhận sự ổn định và vững chắc ở một thế giới còn mơ hồ (Inglehart & Baker, 2000; Tarkhnishvili & Tevzadze, 2013).

Các giá trị tự biểu hiện (Self-expression values)

Những giá trị này xuất hiện khi giá trị sinh tồn bắt đầu được thừa nhận như một lẽ dĩ nhiên. "Một cách sâu sắc, trên cả chắc chắn, một khi sự đa dạng được chấp nhận, nó có thể được cho là tích cực vì nó thú vị và đầy phần kích. Ở những xã hội phát triển, con người tìm đến các nhà hàng nước ngoài thường thức các món ăn mới lạ, họ dành một khoản tiền lớn để du lịch khám phá những nền văn hóa mới. Thay đổi vai trò giới và quan điểm về tình dục đã không còn là điều e ngại nữa". (Inglehart & Baker, 2000). Những học giả của Khảo sát giá trị thế giới cho rằng quá trình hiện đại hóa được xác định bởi ba hợp phần chính, bao gồm phát triển kinh tế, dân chủ hiệu quả và những giá trị tự biểu hiện. Phát triển kinh tế bao gồm cách mạng kỹ thuật công nghệ, tăng năng suất lao động, nâng cao các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, nâng cao tuổi thọ, tăng trình độ học vấn, khả năng tiếp cận thông tin và nhìn chung là tiến bộ trong toàn bộ xã hội (Welzel và các tác giả, 2003). Phát triển kinh tế - xã hội mở rộng thị trường và tăng tính cơ động xã hội theo đó dẫn tới những hoạt động mang tính đa dạng và sâu sắc. Điều này làm mạnh hơn những mối quan hệ theo chiều ngang và làm yếu đi những mối quan hệ quyền lực theo chiều dọc vốn làm suy yếu mức độ tự trị của cá nhân. Phát triển kinh tế - xã hội bao gồm những quá trình như đô thị hóa, cơ động xã hội, đa dạng việc làm, tính đa dạng xã hội và làm các mối quan hệ xã hội giữa các cá nhân trở nên đa dạng hơn, từ đó làm tăng những nguồn lực cá nhân (Tarkhnishvili & Tevzadze, 2013).

Việc tăng cường tính tự trị cá nhân được mô tả qua những thuật ngữ như hình thành nền văn hóa dân sự, hiện đại hóa cá nhân, các giá trị hậu hiện đại, các giá trị tự do, các giá trị tự biểu hiện, v.v. (Welzel và các tác giả, 2003). Kết quả, những giá trị truyền thống, vốn đặt quyền tự trị cá nhân bên dưới nguyên tắc nhóm, giảm sút và nhấn mạnh hơn vào tầm quan trọng của lựa chọn cá nhân. Những quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tự biểu hiện và dân chủ hiệu quả sẽ làm tăng sự lựa chọn của cá nhân trong xã hội, cả trong cộng đồng và trong đời sống cá nhân.

Khi các nguồn lực cá nhân tăng lên thì cá nhân có nhiều lựa chọn hành động hơn, sự tự biểu hiện, tự trị hay sự giải phóng làm cho khát vọng tự do lựa chọn và kiểm soát cuộc sống bản thân trở nên mạnh mẽ hơn. Nói một cách khác, tiền giúp con người có lựa chọn, và giá trị của họ là dùng

sự lựa chọn đó để tự biểu hiện.

Những thay đổi văn hóa không theo một con đường thẳng như kinh tế. Inglehart and Baker (2000) cho rằng phát triển kinh tế có liên quan tới những định hướng giá trị rộng lớn. Theo quan điểm từ Khảo sát giá trị thế giới, có hai chiều cạnh phản ánh thực tế liên dân tộc, giữa truyền thống và định hướng thế tục hợp lý hướng tới quyền uy; và các giá trị sinh tồn tương phản với giá trị tự biểu hiện.

Các hành động phản ánh giá trị có những hậu quả xã hội, tâm lý, và thực tiễn. Chọn một hành động thể hiện giá trị của cá nhân (như sử dụng thuốc kích thích trong một dịp lễ hội) có thể vi phạm một giá trị tương phản với nó (tuân thủ các tập tục tôn giáo - truyền thống). Những hành động này có thể tạo nên những bất đồng về hành vi và giá trị với người khác. Cá nhân có thể có những hành vi thể hiện những giá trị mâu thuẫn, nhưng không phải trong một hành động cụ thể mà trong các hành động khác nhau, thời gian khác nhau và bối cảnh khác nhau.

Lý thuyết về các giá trị cơ bản và thang đo giá trị của Schwartz

Ngoài quan điểm lý thuyết được áp dụng trong Khảo sát giá trị thế giới, Shalom Schwartz đã xây dựng lý thuyết các giá trị cơ bản và thang đo giá trị, quan tâm đến những giá trị cơ bản mà các nền văn hóa cùng chia sẻ. Lý thuyết các giá trị cơ bản của Schwartz (1992, 2006, 2012) đưa ra khái niệm giá trị với 6 đặc trưng chính:

(1) Giá trị là niềm tin được kết nối chặt chẽ với mức độ ảnh hưởng. Khi giá trị được hình thành, chúng trở thành những cảm nhận, tình cảm. Những người cho độc lập là một giá trị quan trọng sẽ tức giận khi độc lập của họ bị đe dọa, ảnh hưởng khi họ không thể bảo vệ giá trị đó và sẽ hạnh phúc khi có nó.

(2) Giá trị là những mục tiêu mong ước làm động lực cho hành động. Những người coi trật tự xã hội, công bằng và có ích là những giá trị quan trọng thì sẽ có động lực để đạt những mục tiêu này.

(3) Giá trị vượt lên trên các hành vi hay bối cảnh cụ thể. Chẳng hạn, sự vâng lời, lòng trung thực có thể được mong đợi ở nơi làm việc, ở trường học, trong kinh doanh cũng như chính trị, với bạn bè cũng như người lạ. Đặc trưng này phân biệt giá trị với những tập quán và thái độ hướng đến những hành động, mục tiêu hay hoàn cảnh cụ thể.

(4) Giá trị đóng vai trò chuẩn mực hay tiêu chuẩn. Giá trị hướng dẫn việc lựa chọn và đánh giá hành vi, chính sách, con người và sự kiện. Con người quyết định cái gì là tốt và xấu, chính đáng và không chính đáng, đáng làm và nên từ bỏ, v.v. dựa trên những hệ quả có thể xảy ra của những

giá trị. Những ảnh hưởng của giá trị trong các quyết định hàng ngày là khá rõ nét. Giá trị đưa vào nhận thức khi các hành động hay đánh giá được cho là có những tác động mâu thuẫn với những giá trị mà người đó coi trọng.

(5) Giá trị có trật tự theo mức độ quan trọng. Giá trị của con người hình thành nên một hệ thống trật tự các ưu tiên theo từng đặc điểm cá nhân. Trật tự thứ bậc này của giá trị cũng góp phần phân biệt giá trị với phong tục hay thói độ.

(6) Tầm quan trọng tương đối của nhiều giá trị khác nhau định hướng hành động. Mỗi thái độ hay hành vi về cơ bản có ảnh hưởng đến nhiều hơn một giá trị. Ví dụ, đi lễ chùa có thể thể hiện và thúc đẩy các giá trị truyền thống và sự tuân thủ và được trả giá bằng các giá trị có tính kích thích và khoái lạc. Trong số những sự đánh đổi này, những giá trị mâu thuẫn sẽ định hướng thái độ và hành vi (Schwartz, 1992, 1996). Giá trị ảnh hưởng đến hành động khi chúng có mối liên quan trong bối cảnh và quan trọng với chủ thể hành vi (Schwartz, 2012).

Theo Schwartz, phân biệt giá trị này với giá trị kia phụ thuộc vào mục tiêu và động lực mà nó thể hiện. Lý thuyết giá trị của Schwartz (1992, 1994, 1996, 2012) xác định 10 phạm trù giá trị bao trùm, được cấu thành bởi nội hàm bên trong từng giá trị. Lý thuyết này được áp dụng nhiều trong các phân tích của Schwartz về giá trị các nước châu Âu.

Bên cạnh việc xác định 10 giá trị chung này, lý thuyết cũng xác định cấu trúc mối quan hệ năng động giữa chúng. Các hành động thể hiện giá trị có những hệ quả mâu thuẫn với một số giá trị nhưng có thể hỗ trợ với nhiều giá trị khác. Ví dụ, đạt được thành công về cơ bản là mâu thuẫn với giá trị lòng nhân từ. Tìm kiếm thành công cho cá nhân sẽ có xu hướng cản trở những hành động hướng tới thúc đẩy lợi ích của người khác cần mình giúp đỡ. Nhưng đạt được thành công và quyền lực là liên quan mật thiết với nhau. Tìm kiếm thành công cá nhân cho cá nhân thường làm mạnh mẽ thêm và được làm mạnh mẽ thêm bởi những hành động hướng tới thúc đẩy vị trí xã hội và quyền hạn với người khác (Schwartz, 1994; 2012).

Các lý thuyết nhấn mạnh mối quan hệ năng động giữa các loại giá trị. Các hành vi chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố và hoàn cảnh. Vì thế, khó có thể dự đoán hành vi dựa trên một biến số có tính biến đổi theo bối cảnh cao như giá trị. Ngược lại, có thể tìm thấy mối quan hệ giữa các ưu tiên giá trị với một hành vi riêng lẻ nếu bối cảnh được kiểm soát giảm bớt tác động của hoàn cảnh tới hành vi. Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa giá trị với hành vi (hay giá trị khác) phải được hiểu trong một bối cảnh hệ thống đa chiều, theo đó, cần phân biệt rõ giá trị ở cấp độ cá nhân và cấp độ nền văn hóa. Cá nhân có thể có các giá trị khác nhau và các nền văn hóa cũng vậy.

Thang đo 10 giá trị của Schwartz

Giá trị bao trùm	Nội hàm	Các giá trị cụ thể
1. Tự định hướng (Self-direction)	Những suy nghĩ độc lập, hành động có chọn lựa, sáng tạo và khám phá. Xuất phát từ nhu cầu tự thân về kiểm soát và làm chủ.	Sự sáng tạo, tự do, độc lập, tò mò, tự lựa chọn mục tiêu, tự tôn, thông minh, cá nhân.
2. Sự kích thích (Stimulation)	Vui sướng, mới lạ, thách thức trong cuộc sống. Xuất phát từ nhu cầu tự thân cho sự đa dạng và vui vẻ để duy trì cái nhìn lạc quan, tích cực hơn là sợ hãi.	Dấn thân, cuộc sống vui vẻ, cuộc sống táo bạo
3. Chủ nghĩa khoái lạc (Hedonism)	Sự vui thích, hài lòng về nhục dục cho bản thân. Xuất phát từ nhu cầu bản thân và niềm vui thỏa mãn chúng.	Sự vui thích, tận hưởng cuộc sống.
4. Thành tựu (Achievement)	Thành công cá nhân thể hiện qua năng lực theo chuẩn xã hội, được xã hội thừa nhận. Cả quyền lực và thành tựu đều tập trung vào sự kính trọng xã hội.	Thành công, năng lực, hoài bão, mức ánh hưởng, tự tôn, thông minh, nhận biết xã hội.
5. Quyền lực (Power)	Vị thế và danh dự xã hội, kiểm soát hoặc thống trị con người và nguồn lực.	Quyền lực xã hội, chức quyền, sự giàu có.
6. An sinh (Security)	Sự an toàn, hài hòa và ổn định của xã hội, của mối quan hệ và của cá nhân. Xuất phát từ yêu cầu cá nhân và nhóm cơ bản. Một số giá trị an sinh xuất phát từ nhu cầu cá nhân (sạch sẽ), một số xuất phát từ nhu cầu nhóm (an ninh quốc gia), cũng như ở một số cấp độ, nhu cầu an sinh cho cá nhân hay nhóm mà cá nhân tham gia.	An ninh gia đình, an ninh quốc gia, trật tự xã hội, sạch sẽ, khỏe mạnh.
7. Sự tuân thủ (Conformity)	Hành động kiểm chế, vâng theo, hay thực đầy có thể làm người khác thất vọng hoặc tổn thương và vi phạm các mong đợi hay chuẩn mực xã hội. Giá trị sự tuân thủ xuất phát từ yêu cầu các cá nhân kiểm chế xu hướng tuân theo, có thể làm gián đoạn và phá hoại tương tác thuận lợi và hoạt động nhóm. Giá trị này nhấn mạnh tự kiểm chế trong tương tác hàng ngày.	Vâng lời, kỷ luật tự giác, lịch sự, tôn trọng cha mẹ và những người lớn tuổi, trung thành, Chiu trách nhiệm.
8. Truyền thống (Tradition)	Tôn trọng, cam kết và chấp nhận những phong tục tập quán, tư tưởng của một nền văn hóa hay tôn giáo. Các nhóm đều xây dựng các thực hành, biểu tượng, tư tưởng và niềm tin thể hiện kinh nghiệm và sở phận của họ. Dẫn đến những điều này được thừa nhận như các phong tục và truyền thống mang tính giá trị của nhóm. Chúng biểu tượng cho sự đoàn kết nhóm, thể hiện những giá trị độc nhất và duy trì sự tồn tại (Parson, 1951). Những giá trị này thường được thể hiện qua các hình thức như các hành lễ tôn giáo, niềm tin, tập quán hành vi.	Khiêm tốn, chấp nhận, thành kính, ôn hòa.

Thang đo 10 giá trị của Schwartz (tiếp)

Giá trị bao trùm	Nội hàm	Các giá trị cụ thể
	<p>Truyền thống và sự tuân thủ thực ra hạn chế tính động lực. Chúng chia sẻ mục tiêu phụ thuộc của cá nhân với những mong đợi xã hội. Chúng khác nhau cơ bản về mục tiêu cá nhân phụ thuộc chính mình. Sự tuân thủ thể hiện mức độ phụ thuộc của cá nhân với những người mà họ có tương tác, ví dụ như cha mẹ, giáo viên, người chủ lao động. Truyền thống thể hiện mức độ phụ thuộc của cá nhân với những mục tiêu trừu tượng hơn như tôn giáo, truyền thống văn hóa và hệ tư tưởng. Nói một cách ngắn gọn, giá trị tuân thủ thể hiện sự đáp ứng cho hiện tại, những mong đợi có thể thay đổi. Giá trị truyền thống yêu cầu sự đáp ứng cho những mong đợi không thể thay đổi hình thành từ quá khứ.</p>	
9. Lòng nhân từ (Benevolence)	<p>Giữ gìn và đẩy mạnh phúc lợi của những người mà ta có mối quan hệ cá nhân thường xuyên. Xuất phát từ nhu cầu duy trì chức năng hoạt động nhóm thuận lợi và từ nhu cầu gắn kết tự thân, chủ yếu trong mối quan hệ với gia đình và những nhóm gần gũi. Lòng nhân từ nhấn mạnh những mối quan tâm tự nguyện vì phúc lợi của người khác. Lòng nhân từ và sự tuân thủ là hai giá trị thúc đẩy các mối quan hệ xã hội tương hỗ và xây dựng. Giá trị nhân từ cho thấy động lực chủ quan dựa trên hình vi. Ngược lại, giá trị tuân thủ thúc đẩy sự hợp tác để tránh những kết quả tiêu cực cho cá nhân. Cả hai giá trị đều thúc đẩy những hành vi có ích, dù tách riêng hay để cùng nhau.</p>	<p>Có ích, trung thực, tha thứ, trung thành, có trách nhiệm, tình bạn thực sự, tình yêu chân thành, đời sống tinh thần, ý nghĩa cuộc sống.</p>
10. Sự phổ biến (Universalism)	<p>Thấu hiểu, cảm kích, khoan dung và bảo vệ các phúc lợi cho mọi người và cho tự nhiên. Giá trị này tương phản với những giá trị nhân ái của nhóm. Giá trị phổ biến xuất phát từ những nhu cầu sinh tồn của cá nhân và nhóm. Tuy nhiên, con người không nhận ra những nhu cầu này cho đến khi họ đối diện với những người khác ngoài nhóm hạn đầu và khi nhận ra tính khan hiếm của các nguồn lực tự nhiên. Con người nhận ra rằng họ thất bại trong việc chấp nhận những người khác với họ. Con người cũng nhận ra thất bại trong bảo vệ môi trường tự nhiên có thể dẫn đến phá hủy những nguồn lực tự nhiên. Như vậy, giá trị phổ quát bao gồm hai nội hàm quan tâm cơ bản, vì lợi ích của con người trong xã hội nói chung và vì tự nhiên.</p>	<p>Tâm hồn rộng mở, lịch duyệt, công bằng xã hội, bình đẳng, hòa bình, cái đẹp, hòa mình với thiên nhiên, bảo vệ môi trường, hài hòa đời sống tinh thần.</p>

Đồng thời, mỗi cá nhân của mỗi nền văn hóa tự xác định cho mình một hệ các giá trị ưu tiên riêng. Vì thế, tính đa dạng văn hóa trong giá trị là một trong những mối quan tâm đặc biệt của các nhà xã hội học.

Một vài hướng áp dụng lý thuyết và thang đo giá trị trong nghiên cứu gia đình Việt Nam

Với tốc độ hiện đại hóa nhanh gần đây, xã hội Việt nam đã coi bỏ được nhiều giá trị cũ lạc hậu và giải phóng tự do cá nhân trong hôn nhân và gia đình. Hôn nhân và gia đình Việt Nam đang trải qua sự chuyển đổi quan trọng, từ mô hình truyền thống đến những đặc điểm hiện đại và cởi mở hơn. Những kiểu mẫu gia đình nhiều thế hệ, coi trọng nam giới hay vai trò quan trọng của quan hệ họ hàng và người đứng đầu gia đình phải là đàn ông, xu hướng từ kết hôn sớm sang kết hôn muộn hơn, chung sống với gia đình chồng, đang chuyển biến rất rõ rệt. Các khuôn mẫu truyền thống như hôn nhân sắp đặt, bất bình đẳng giới, chế độ gia trưởng, hay có nhiều con dưới tác động của Nho giáo đã giảm mạnh. Hội nhập kinh tế quốc tế, cùng với nó là hội nhập và giao lưu văn hóa, giá trị cũng góp phần đẩy mạnh những quan điểm cởi mở hơn về hôn nhân và gia đình Việt Nam (Nguyễn Hữu Minh, 2008; Vũ Mạnh Lợi, 2011).

Những đổi thay trong giá trị và chuẩn mực đã tác động mạnh mẽ đến thái độ và cách ứng xử của mỗi cá nhân trong xã hội ngày nay. Ví dụ, theo truyền thống văn hóa Việt Nam, ly hôn không được khuyến khích, thậm chí bị hạn chế. Hiện nay, ly hôn đang tăng lên nhanh chóng sau Đổi mới từ cuối những năm 1980 với những nguyên do và hậu quả khác nhau (Trần Thị Minh Thi, 2014). Việc tồn tại cùng lúc các mức độ khác nhau của các giá trị truyền thống và hiện đại trong bối cảnh cái mới chưa hoàn thiện và cái cũ chưa mất hoàn toàn là khuôn mẫu chung của nhiều khía cạnh hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Điều này có nghĩa là, những tiếp cận lý thuyết về hiện đại hóa và sự tồn tại của các giá trị văn hóa truyền thống như trên phân tích khá phù hợp với bối cảnh chuyển đổi hiện nay ở Việt Nam, khi có hệ giá trị mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế, và đồng thời còn tồn tại một số giá trị truyền thống. Bên cạnh đó, việc áp dụng một thang đo giá trị, chẳng hạn thang đo 10 giá trị của Schwartz là thách thức không nhỏ. Lí do là cùng một phạm trù giá trị bao trùm, hay một giá trị đơn lẻ, nội hàm và cách hiểu là không hoàn toàn như nhau ở những nền văn hóa khác nhau. Việc xây dựng hệ thang đo giá trị cá nhân của Việt Nam hiện nay theo hướng áp dụng những thang đo đã được áp dụng trên thế giới là cần thiết để có thể so sánh các phân tích về giá trị của Việt Nam với các quốc gia khác. Hướng tiếp theo của chúng tôi là tìm hiểu những phương pháp đo lường giá trị cá nhân từ những tiếp cận lý thuyết nêu trên, cách hiểu và ứng dụng

trong bối cảnh văn hóa châu Á và cụ thể là Việt Nam, để xây dựng thang đo giá trị cá nhân phù hợp và có giá trị so sánh. ■

Tài liệu trích dẫn

- Durkheim, E. 1893. *The Division of Labour in Society*.
- Haller, Max. 2002. "Theory and Method in the Comparative Study of Values: Critique and Alternative to Inglehart". *European Sociological Review*, Vol.18, No.2. 2002.
- Hechter, M. 1993. "Values research in the social and behavioral sciences". In M. Hechter, L. Nadel, & R. E. Michod (Eds.), *The origin of values* (pp. 1-28). New York: Aldine de Gruyter.
- Inglehart and Welzel. 2009. *Development and Democracy: What We Know about Modernization Today*. Foreign Affairs, March.
- Inglehart, R. 1997. *Modernization and Postmodernization: Cultural, Economic and Political Change in Societies*. Princeton, NJ: Princeton University Press.
- Inglehart, Ronald F. and Baker, Wayne E. 2000. "Modernization, Cultural Change, and the Persistence of Traditional Values". *American Sociological Review*, Vol 65, Feb 2000.
- Inglehart, Ronald F. 2000. "Globalization and Postmodern Values". *The Washington Quarterly*, Vol.23, No.1. 2000.
- Inglehart, Ronald F. 2008. "Changing Values among Western Publics from 1970-2006". *Western European Politics*, Vol 31, Nos 1-2, pp.130-146. Routledge, 2008.
- Kluckhohn, C. 1951. "Values and Value-orientations in the Theory of Action. An Exploration in Definition and Classification". In T. Parsons & A. Shils (Ed.), *Toward a General Theory of Action*, 390-415. Harvard University Press.
- Marx, Karl. 1973. *Society and Social Change: With Selections by Friedrich Engels*. University of Chicago Press, 1973.
- Nguyễn Hữu Minh. 2008. "Khuôn mẫu tuổi kết hôn đầu tiên ở Việt Nam". Trong: *Gia đình nông thôn Việt nam trong chuyển đổi, tiếng Anh và tiếng Việt*. Chủ biên: Trịnh Duy Luân, Helle Rydstroom, và Wil Burhoorn. Nxb. Khoa học xã hội.
- Parsons, T. & Shils, E. E. 1951. *Toward a General Theory of Action*. New York, NY: Harper & Row Publishers.
- Rokeach, Milton. 1973. *The Nature of Human Values*. New York: Free Press.
- Rokeach, Milton. 1979. *Understanding Human Values: Individual and Societal*. New York: Free Press.
- Schwartz, S. H. 1994. "Are there universal aspects in the structure and contents of human values?" *Journal of Social Issues*, 50, 19-45.
- Schwartz, S. H. 1992. "Universals in the content and structure of values: Theory

- and empirical tests in 20 countries". In M. Zanna (Ed.), *Advances in experimental social psychology* (Vol. 25, pp. 1-65). New York: Academic Press
- Schwartz, S. H. 2005. "Basic human values: Their content and structure across countries". In A. Tamayo & J. B. Porto (Eds.), *Valores e comportamento nas organizações [Values and behavior in organizations]* pp. 21-55. Petrópolis, Brazil: Vozes.
- Schwartz, S. H. 2006. "Value orientations: Measurement, antecedents and consequences across nations". In Jowell, R., Roberts, C., Fitzgerald, R. & Eva, G. (Eds.) *Measuring attitudes cross-nationally - lessons from the European Social Survey* (pp.169-203). London, UK: Sage.
- Schwartz, Shalom H. 2012. *An Overview of the Schwartz Theory of Basic Values*. *Online Readings in Psychology and Culture*.
- Tarkhnishvili, Levan and Tevzadze, Gigi. 2013. "Theoretical Aspects of World Value Survey: Main Principles, Challenges and Critics". *Asian Social Science*, Vol. 9, No. 11; 2013.
- Trần Thị Minh Thi. 2014. *Divorce in Contemporary Viet Nam: A Socio-economic and structural analysis of divorce in the Red River Delta in 2000s*. Social Sciences Publishing House.
- Vũ Mạnh Lợi. 2011. "Ai là chủ hộ trong các gia đình nông thôn Việt Nam". Trong: *Gia đình nông thôn Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*. Tiếng Anh và tiếng Việt. Chủ biên: Trình Duy Luân, Helle Rydstroom và Wil Buihoorn. Nxb. Khoa học xã hội.
- Weber, M. 1905. *The Protestant Ethic and the Spirit of Capitalism*.
- Welzel, Christian, Inglehart, Ronald and Klingemann, Hans-Dieter. 2003. "The Theory of Human Development: A Cross-Cultural Analysis." *European Journal of Political Research*, Vol 42, No. 2.